

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 11-6-2021  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Chị Trương Thị N, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021, anh Nguyễn Văn H trình bày: Vào năm 2013 anh và chị Trương Thị N kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh và chị N không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị N. Anh và chị N không có con chung. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Trương Thị N cư trú tại ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, anh H và chị N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa anh H và chị N là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn chị N vì cho rằng quá trình chung sống giữa anh H và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 và suốt một thời gian dài cho đến nay anh H, chị N vẫn không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án chị N không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh H cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho anh H ly hôn với chị N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, anh H xác định không có, tài sản chung và nợ chung anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N không có ý kiến về vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Trương Thị N.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012262, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Huệ**